

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA**
ROYAL INTERNATIONAL CORP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 260814/CBTT/RIC

Quảng Ninh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

No.: .../...

..., day ... month ... year ...

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - *The State Securities Commission*
- *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the stock market, Royal International Corp shall disclose the financial statements for the Reviewed Semi-Annual Financial Statements for 2026 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Mã chứng khoán/ Stock code: RIC
- Địa chỉ/ Address: Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02033.848.777 Fax: 02033.846728
- Email:..... Website: <http://royalhalonghotel.com/>

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

- BCTC bán niên soát xét năm 2026 / Reviewed Semi-Annual Financial Statements for 2026

- ☒ BCTC riêng / separate financial statements;
☐ BCTC hợp nhất/ consolidated financial statements);
☐ BCTC tổng hợp/ financial statements Synthesize.

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân /Cases subject to explanation of the cause:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán)/ The audit organization issued an opinion that was not an unqualified opinion on the financial statements (on the reviewed/audited financial statements):

☐ Có /yes ☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanatory document in case of integration:

☐ Có /yes ☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại / Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after auditing, changing from loss to profit or vice versa

☐ Có /yes ☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanatory document in case of integration:

☐ Có /yes ☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước / Profit after corporate income tax in the business results report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:

☒ Có /yes ☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanatory document in case of integration:

☒ Có /yes ☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại / Profit after tax in the reporting period is a loss, changing from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:

☒ Có /yes ☐ Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanatory document in case of integration:

☒ Có /yes ☐ Không/ No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2026 tại đường dẫn: <https://royalhalonghotel.com/vi/our-announcement/> /This information was published on the company's website on .../.../..... (date), as in the link

Tài liệu đính kèm:

- BCTC/ Financial
- Văn bản giải trình/
Explanatory document

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT/ Legal representative
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/Chairman of the BOD



Chen Yu Chen

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SANG
ĐỒNG VIỆT NAM
(ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Chen Yu Chen	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Hồng Liễu	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Ông Đậu Quốc Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026

Ủy ban Kiểm toán

Bà Trần Thị Hồng Nhung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Ông Đậu Quốc Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hồng Liễu	Phó Tổng Giám đốc
-----------------------	-------------------

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2026 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Chen Yu Chen – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi này, Người đại diện theo pháp luật được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Người đại diện theo pháp luật xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Theo đây, Tôi phê chuẩn báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty đính kèm từ trang 7 đến trang 41. Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 được trình bày trong Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 để có thêm thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ và những thay đổi về tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT (TIẾP)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Chen Yu Chen - Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền cho bà Trần Thị Hồng Liễu - Phó Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt và ký báo cáo tài chính của Công ty theo Giấy ủy quyền số 17012024/UQ.2024 ngày 17/1/2024.

Thay mặt và đại diện cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty,



Trần Thị Hồng Liễu
Phó Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Số: 887/2026/UHY - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam

của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, trình bày từ trang 07 đến trang 41 kèm theo gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển sang đồng Việt Nam. Tại ngày 30/6/2026, lỗ lũy kế của Công ty là 599.028.997.644 VND, nợ ngắn hạn cũng vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 171.598.965.728 VND. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Người đại diện theo pháp luật đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề này để Công ty có thể hoạt động bình thường, do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Kết luận của chúng tôi không bị thay đổi liên quan đến vấn đề này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.665.713.800	58.866.741.340
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	48.425.451.392	41.734.934.650
Tiền	111		33.364.943.312	41.734.934.650
Các khoản tương đương tiền	112		15.060.508.080	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.649.485.888	13.536.648.931
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.455.294.728	8.680.277.067
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.824.390.512	4.434.107.003
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	6.417.696.576	6.401.381.960
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6	(6.047.895.928)	(5.979.117.099)
Hàng tồn kho	140	11	1.435.603.824	2.192.215.159
Hàng tồn kho	141		1.435.603.824	2.192.215.159
Tài sản ngắn hạn khác	160		155.172.696	1.402.942.600
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12	107.918.784	80.969.085
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	19	47.253.912	1.321.973.515
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		866.495.326.192	868.728.604.306
Tài sản cố định	220		795.385.998.544	798.749.697.033
Tài sản cố định hữu hình	221	13	795.385.998.544	798.749.697.033
- Nguyên giá	222		1.558.772.263.208	1.540.736.284.316
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(763.386.264.664)	(741.986.587.283)
Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		118.238.938.456	117.254.213.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(118.238.938.456)	(117.254.213.497)
Tài sản dở dang dài hạn	250		51.477.628.112	51.048.908.894
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	15	51.477.628.112	51.048.908.894
Đầu tư tài chính dài hạn	260	10	11.028.831.656	10.936.980.647
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		11.028.831.656	10.936.980.647
Tài sản dài hạn khác	270		8.602.867.880	7.993.017.732
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12	922.700.344	745.958.662
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	16	7.680.167.536	7.247.059.070
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		932.161.039.992	927.595.345.646

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
NỢ PHẢI TRẢ	300		345.514.687.944	344.140.542.007
Nợ ngắn hạn	310		237.264.679.528	222.890.549.800
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.565.748.184	2.648.301.889
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.708.267.048	887.035.232
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	19	3.216.815.976	9.004.283.792
Phải trả người lao động	315		4.276.939.216	8.758.455.913
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	20	66.071.224.416	59.078.747.350
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		368.853.992	432.513.122
Phải trả ngắn hạn khác	320	21	93.762.700.544	92.787.729.017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	22	63.294.130.152	49.293.483.485
Nợ dài hạn	330		108.250.008.416	121.249.992.207
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	22	108.250.008.416	121.249.992.207
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23	586.646.352.048	583.454.803.639
Vốn góp của chủ sở hữu	411		703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703.687.540.000	703.687.540.000
Thặng dư vốn	412		81.363.105.200	81.363.105.200
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		389.418.511.083	384.524.839.843
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.206.193.409	11.206.193.409
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(599.028.997.644)	(597.326.874.813)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(597.326.874.813)	(604.138.226.564)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(1.702.122.831)	6.811.351.751
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		932.161.039.992	927.595.345.646

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026



Nguyễn Thị Huệ
Người lập



Nguyễn Thị Thu Bình
Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Liễu
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	76.853.849.535	76.268.124.585
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76.853.849.535	76.268.124.585
Giá vốn hàng bán	11	26	53.530.530.372	52.384.032.595
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.323.319.163	23.884.091.990
Doanh thu hoạt động tài chính	22	27	1.664.998.848	5.648.799.105
Chi phí tài chính	23	28	10.163.875.851	12.533.624.420
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		9.908.959.581	11.889.945.085
Chi phí bán hàng	25	29	6.249.954.843	6.073.188.425
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	10.171.971.342	10.175.328.215
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.597.484.025)	750.750.035
Thu nhập khác	31		31.648.392	34.272.870
Chi phí khác	32		136.287.198	225.591.305
Lợi nhuận khác	40		(104.638.806)	(191.318.435)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.702.122.831)	559.431.600
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.702.122.831)	559.431.600
Lợi nhuận sau thuế	61		(1.702.122.831)	559.431.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(24,19)	7,95
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	(24,19)	7,95

Phê duyệt ngày 12 tháng 08 năm 2026



Nguyễn Thị Huệ
Người lập



Nguyễn Thị Thu Bình
Kế toán trưởng




Trần Thị Hồng Liễu
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(1.702.122.831)	559.431.600
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.682.616.604	15.264.695.720
Các khoản dự phòng	03		18.496.494	(165.933.970)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(786.441.582)	(4.318.304.775)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(88.238.232)	(5.174.230)
Chi phí đi vay	06		9.908.959.581	11.889.945.085
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		23.033.270.034	23.224.659.430
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		251.431.803	(1.208.054.630)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		772.163.127	277.051.840
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.968.258.287)	9.631.368.075
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(196.020.918)	1.208.003.400
Chi phí đi vay đã trả	14		(3.247.392.249)	(3.044.060.985)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		11.645.193.510	30.088.967.130
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.648.006.619)	(132.685.700)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		88.238.232	5.174.230
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(5.559.768.387)	(127.511.470)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		67.375.784.907	59.014.757.110
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.579.518.700)	(93.899.262.080)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		796.266.207	(34.884.504.970)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		6.881.691.330	(4.923.049.310)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		41.734.934.650	36.892.998.801
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(191.174.588)	261.209.569
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70		48.425.451.392	32.231.159.060

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026



Nguyễn Thị Huệ
Người lập



Nguyễn Thị Thu Bình
Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Liễu
Phó Tổng Giám đốc

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 221.032.000.118 đề ngày 01 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp có thời hạn hoạt động là 49 năm kể từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Sau đó, Giấy Chứng nhận Đầu tư được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700102119 đề ngày 11/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 544.2194.665 đề ngày 17/7/2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (lần thứ 13) được cấp ngày 08/09/2023. Thay đổi gần nhất của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư (lần thứ 15) được cấp ngày 10/10/2023.

Từ ngày 26/5/2022, cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại thị trường của những Công ty đại chúng chưa niêm yết (“UpcoM”). Mã giao dịch cổ phiếu của Công ty là RIC

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho Người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đối ngoại tệ số 09/QUN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 05/01/2024

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 343 người lao động đang làm việc (số đầu năm là 356 người).

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã cập nhật một số chính sách kế toán liên quan đến phân loại và ghi nhận các khoản đầu tư tài chính, ghi nhận doanh thu, chi phí, xử lý chênh lệch tỷ giá và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang đồng Việt Nam. Các thay đổi về chính sách kế toán được thực hiện nhằm phản ánh phù hợp hơn bản chất của các giao dịch và sự kiện kinh tế, không làm thay đổi đáng kể tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đô La Mỹ (“USD”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán.

Đơn vị tiền tệ được trình bày trên báo cáo tài chính chuyển đổi là Đồng Việt Nam. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam được trình bày tại Thuyết minh 4.

Việc thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Người đại diện theo pháp luật đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Như đã trình bày tại thuyết minh số 2.2, Công ty sử dụng USD làm đơn vị tiền tệ kế toán. Báo cáo tài chính lập bằng USD được chuyển đổi sang VND để công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được qui đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam), tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 26.296 VND/USD.
- Vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn.
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được qui đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ của khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được qui đổi theo tỷ giá mua bán bình quân của kỳ kế toán do xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá biên độ tỷ giá giao ngay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng USD ra VND được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (Mã số 417) thuộc phần vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này kết hợp với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng Đô la Mỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 để có thêm thông tin về tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty được trình bày theo đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán: tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (sau đây gọi tắt là tỷ giá xấp xỉ). Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của Công ty.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng trình; được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nguyên liệu, vật liệu được phân bổ cho từng sản phẩm theo số lượng thực tế sử dụng

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được tính theo từng lần phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	35 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
- TSCĐ khác	05

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian Công ty không phải đóng tiền thuê đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Trường hợp công trình, hạng mục công trình mà Công ty đang đầu tư xây dựng hoặc hợp tác kinh doanh để đầu tư xây dựng nhưng không thể tiếp tục triển khai được dự án thì Công ty căn cứ vào tình hình thực tiễn để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản chi phí đầu tư XDCB đã bỏ ra, phần chênh lệch nếu có sẽ được hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán trong tương lai, phát sinh từ các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được hoặc các nghĩa vụ tài chính khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chi phí phải trả được ghi nhận trên cơ sở các ước tính hợp lý và đáng tin cậy về số tiền phải trả, căn cứ vào các thông tin và điều kiện hiện có tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết nợ phải trả theo kỳ hạn trả nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: Phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Chi phí phải trả: Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả cổ tức lợi nhuận: Phản ánh các khoản cổ tức, lợi nhuận doanh nghiệp trả cho chủ sở hữu của doanh nghiệp (cổ đông).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm các khoản doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Tài sản được hỗ trợ, tài trợ, biếu, tặng nhưng kèm theo điều kiện để được quản lý, sử dụng, kiểm soát tài sản đó; Các khoản doanh thu chờ phân bổ khác như: Khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống

Doanh thu chờ phân bổ được ghi nhận vào doanh thu trong kỳ kế toán mà Công ty hoàn thành nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ, hoặc được phân bổ theo thời gian hưởng lợi kinh tế của khách hàng, phù hợp với bản chất của giao dịch và các điều khoản trong hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị thực nhận. Chi phí giao dịch và chi phí tài chính phát sinh liên quan đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp được vốn hóa theo chính sách chi phí đi vay của Công ty.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị còn phải thanh toán, bao gồm gốc và lãi phải trả theo các điều khoản vay hoặc hợp đồng thuê. Lãi vay và chi phí tài chính liên quan được ghi nhận vào chi phí của kỳ phát sinh, trừ trường hợp được vốn hóa theo chính sách chi phí đi vay của Công ty.

Đối với các hợp đồng thuê đủ điều kiện phân loại là thuê tài chính, tài sản và nghĩa vụ nợ thuê được ghi nhận phù hợp với bản chất kinh tế của giao dịch.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ điều kiện, khi đó chi phí đi vay được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản tương ứng cho đến khi tài sản sẵn sàng đưa vào sử dụng hoặc khai thác theo dự kiến.

Việc vốn hóa chi phí đi vay được thực hiện trên cơ sở phù hợp với thời gian và mức độ đầu tư thực tế, và chỉ áp dụng trong thời gian phát sinh các hoạt động cần thiết để chuẩn bị tài sản cho mục đích sử dụng dự kiến.

Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại của chính mình và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình được ghi giảm thặng dư vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận chi phí

Giá vốn được ghi nhận khi các chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu đã phát sinh và có thể xác định một cách đáng tin cậy, phù hợp với doanh thu tương ứng theo nguyên tắc phù hợp, không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Trường hợp cần thiết, các khoản chi phí có liên quan trực tiếp đến doanh thu trong kỳ được ước tính và ghi nhận trên cơ sở các giả định hợp lý và nhất quán. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí ngoài giá vốn bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí hoạt động khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trên cơ sở phù hợp với doanh thu liên quan và không phụ thuộc vào thời điểm chi trả. Các khoản chi phí này được ghi nhận khi có đầy đủ bằng chứng về việc phát sinh nghĩa vụ và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản chi phí không mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí được phân loại và trình bày phù hợp với bản chất kinh tế của từng loại chi phí theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
- Tiền mặt	15.409.456.000	25.251.167.487
- Tiền gửi không kỳ hạn	17.955.487.312	16.483.767.163
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	3.017.203.040	2.530.929.312
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	11.482.385.064	13.584.682.765
+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	3.311.639.352	184.398.812
- Ngân hàng khác	144.259.856	183.756.274
- Tương đương tiền (*)	15.060.508.080	-
Cộng	48.425.451.392	41.734.934.650

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ số 01.2026/VCB-HG ngày 05/05/2026 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, số tiền gửi 15.000.000.000 VND, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,75%/năm, lãi nhập gốc và tự động gia hạn khi đến hạn.

6. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.455.294.728	(6.047.895.928)	8.680.277.067	(5.979.117.099)
- Khách đoàn Long Bay	6.047.895.928	(6.047.895.928)	5.979.117.099	(5.979.117.099)
- Ban xúc tiến và hỗ trợ Đầu tư tỉnh Quảng Ninh	487.212.288	-	580.526.174	-
- Công ty TNHH TM Nam Cường Thịnh	271.979.528	-	148.951.824	-
- Các khách hàng khác	1.648.206.984	-	1.971.681.970	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.455.294.728	(6.047.895.928)	8.680.277.067	(5.979.117.099)

7. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.824.390.512	4.434.107.003
- Công ty Đầu tư và phát triển NME	1.082.159.288	1.073.146.781
- Công ty TNHH đầu tư thương mại và phát triển công nghệ Vinalight Việt Nam	-	977.548.499
- Công ty CP Tư vấn XD và TM Việt Á	703.102.448	697.246.826
- ANGEL SINGAPORE(ASIA) PTE. LTD	4.072.356.336	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	966.772.440	1.686.164.897
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	6.824.390.512	4.434.107.003

8. Phải thu khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>	6.417.696.576	-	6.401.381.960	-
- Tạm ứng	122.434.176	-	-	-
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt	6.119.000.312	-	6.196.155.970	-
- tương ứng với số chip khách cầm cuối năm (*)		-		-
+ Các khoản phải thu khác	176.262.088	-	205.225.990	-
<i>Dài hạn</i>	-	-	-	-
Cộng	6.417.696.576	-	6.401.381.960	-

(*) Số dư bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt mà Công ty đã nộp trước cho cơ quan Thuế liên quan tới số chip mà khách hàng chưa sử dụng cuối kỳ (do khác biệt thời điểm tính/nộp thuế và thời điểm hạch toán doanh thu kế toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam). Khoản phải thu thuế này sẽ được khấu trừ với số thuế phải nộp trong tương lai.

9. Nợ xấu

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng	6.047.895.928	-	(6.047.895.928)	5.979.117.099	-	(5.979.117.099)
- Khách đoàn Long Bay	6.047.895.928	-	(6.047.895.928)	5.979.117.099	-	(5.979.117.099)
Cộng	6.047.895.928	-	(6.047.895.928)	5.979.117.099	-	(5.979.117.099)

10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Công ty Cổ phần Chứng khoán UP	11.028.831.656	11.028.831.656	-	10.936.980.647	10.936.980.647	-
Cộng	11.028.831.656	11.028.831.656	-	10.936.980.647	10.936.980.647	-

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ là 729.000 Cổ phần, tương đương 2,25% vốn điều lệ.

11. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.051.471.856	-	1.816.836.744	-
- Hàng hóa	384.131.968	-	375.378.415	-
Cộng	1.435.603.824	-	2.192.215.159	-

12. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Ngắn hạn	107.918.784	80.969.085
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	107.918.784	80.969.085
Dài hạn	922.700.344	745.958.662
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	922.700.344	745.958.662
Cộng	1.030.619.128	826.927.747

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.140.753.698.276	324.548.552.906	15.939.931.328	20.224.643.198	39.269.458.608	1.540.736.284.316
Tăng trong kỳ	2.542.192.096	3.126.725.880	-	-	-	5.668.917.976
Tiêu hủy tài sản	-	(572.358.736)	-	-	-	(572.358.736)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	9.580.283.772	2.725.625.382	133.866.816	169.850.706	329.792.976	12.939.419.652
Số dư cuối kỳ	1.152.876.174.144	329.828.545.432	16.073.798.144	20.394.493.904	39.599.251.584	1.558.772.263.208
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	(361.578.988.140)	(306.199.993.396)	(15.939.931.328)	(20.224.643.198)	(38.043.031.221)	(741.986.587.283)
Khấu hao trong kỳ	(13.836.111.084)	(1.619.569.782)	-	-	(226.935.738)	(15.682.616.604)
Tiêu hủy tài sản	-	572.358.736	-	-	-	572.358.736
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(3.087.841.832)	(2.577.526.758)	(133.866.816)	(169.850.706)	(320.333.401)	(6.289.419.513)
Số dư cuối kỳ	(378.502.941.056)	(309.824.731.200)	(16.073.798.144)	(20.394.493.904)	(38.590.300.360)	(763.386.264.664)
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	779.174.710.136	18.348.559.510	-	-	1.226.427.387	798.749.697.033
Tại ngày cuối kỳ	774.373.233.088	20.003.814.232	-	-	1.008.951.224	795.385.998.544

Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu có nguyên giá từ 10% tổng giá trị Tài sản cố định hữu hình của Công ty:

STT	Tên Tài sản	Ngày tính khấu hao	Nguyên giá VND	Khấu hao lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
1	Nhà Casino mở rộng	01/10/2008	163.281.672.408	79.192.902.120	84.088.770.288
2	Nhà khách sạn Hoàng gia Hạ Long (13 tầng) A	01/01/2014	372.135.811.688	156.681.902.328	215.453.909.360
3	Nhà khách sạn Hoàng gia Hạ Long (13 tầng) B	01/01/2014	261.879.944.392	-	261.879.944.392
4	Nhà cung hội nghị Hoàng Gia	31/12/2022	133.172.936.480	14.510.632.424	118.662.304.056
Tổng cộng			930.470.364.968	250.385.436.872	680.084.928.096

Tại ngày cuối kỳ:

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 372.555.837.696 VND (tại ngày đầu năm là 369.578.625.430 VND).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố các khoản vay là 726.912.766.008 VND (tại ngày đầu năm là 730.540.427.134 VND).

TSCĐ gồm một số tài sản tạm thời dừng hoạt động để sửa chữa với giá trị còn lại là 2.440.558.056 VND (tại đầu năm là 2.517.682.196 VND).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phản mềm VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	114.589.326.636	2.664.886.861	117.254.213.497
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	962.344.692	22.380.267	984.724.959
Số dư cuối kỳ	115.551.671.328	2.687.267.128	118.238.938.456
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	(114.589.326.636)	(2.664.886.861)	(117.254.213.497)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(962.344.692)	(22.380.267)	(984.724.959)
Số dư cuối kỳ	(115.551.671.328)	(2.687.267.128)	(118.238.938.456)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

Chi tiết danh mục các TSCĐ vô hình đang hiện hữu có nguyên giá từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình của Công ty:

STT	Tên Tài sản	Ngày tính khấu hao	Nguyên giá VND	Khấu hao lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
1	Giá trị quyền sử dụng đất	13/08/1994	115.551.671.328	115.551.671.328	-
Tổng cộng			115.551.671.328	115.551.671.328	-

Tại ngày cuối kỳ: Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 118.238.938.456 VND. (Tại ngày đầu năm là 117.254.213.497 VND).

(*): Bao gồm giá trị Quyền sử dụng đất góp vốn ban đầu có thời hạn đến ngày 13/4/2021. Sau thời hạn này, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hàng năm cho UBND tỉnh Quảng Ninh.

15. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang	51.477.628.112	-	51.048.908.894	-
- Dự án cải tạo và xây mới khách sạn và biệt thự Hoàng Gia (*)	51.477.628.112	-	51.048.908.894	-
Cộng	51.477.628.112	-	51.048.908.894	-

(*) Tại 30/06/2026, dự án cải tạo và xây mới khách sạn và biệt thự Hoàng Gia đang tạm ngưng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đang trong quá trình đánh giá lại và xem xét việc tiếp tục thực hiện dự án trong tương lai. Việc xử lý số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang liên quan tới dự án này sẽ được thực hiện khi có quyết định chính thức từ Hội đồng quản trị Công ty.

16. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
- Vật tư thay thế, sửa chữa	7.680.167.536	7.247.059.070
Cộng	7.680.167.536	7.247.059.070

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>4.565.748.184</i>	<i>2.648.301.889</i>
- Doanh nghiệp Tư nhân Khá Thuý	633.233.976	423.490.480
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đinh Nga	344.845.744	245.619.263
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	154.515.296	150.412.136
- Bà Phạm Thị Hiền	188.989.352	167.127.493
- Công ty Điện lực Quảng Ninh	581.430.856	240.821.095
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ Vinalight Việt Nam	709.308.304	-
- Các đối tượng khác	1.953.424.656	1.420.831.422
<i>Phải trả người bán dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	4.565.748.184	2.648.301.889

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>1.708.267.048</i>	<i>887.035.232</i>
- Công ty Cổ phần Du lịch và Dịch vụ Fresh Tour	102.422.920	101.569.915
- Công ty TNHH TM Nam Cường Thịnh	261.250.760	159.330.470
- Công ty TNHH Times Travel Việt Nam	300.773.648	-
- Các đối tượng khác	1.043.819.720	626.134.847
<i>Người mua trả tiền trước dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	1.708.267.048	887.035.232

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cần trừ	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	9.004.283.792	34.757.579.472	(39.229.187.976)	(1.391.479.136)	75.619.824	3.216.815.976
- Thuế GTGT đầu ra	2.486.885.259	9.102.097.440	(9.114.640.632)	(1.391.479.136)	20.885.373	1.103.748.304
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.186.481.403	18.245.505.896	(22.370.874.968)	-	51.955.341	2.113.067.672
- Thuế thu nhập cá nhân	330.917.130	192.039.688	(525.735.928)	-	2.779.110	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	7.204.604.376	(7.204.604.376)	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	13.332.072	(13.332.072)	-	-	-
Phải thu	1.321.973.515	1.333.075.720	(47.253.912)	-	(2.560.541.411)	47.253.912
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	(47.253.912)	-	94.507.824	47.253.912
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.321.973.515	1.333.075.720	-	-	(2.655.049.235)	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế giá trị gia tăng hoạt động kinh doanh thông thường 8 %
- Thuế giá trị gia tăng hoạt động cho thuê điểm kinh doanh 10%
- Thuế giá trị gia tăng với hoạt động kinh doanh Casino, trò chơi điện tử có thưởng 10 %

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh Casino, trò chơi điện tử có thưởng với thuế suất 35 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 62.377,6 m² đất đang sử dụng tại Công ty cổ phần quốc tế Hoàng Gia - với mức 211.932 VND/m² từ ngày 01/01/2026 đến ngày 12/04/2026 và với mức 333.645 VND/m² từ ngày 13/04/2026 đến ngày 31/12/2026 theo Thông báo nộp tiền số 3722/TB-QNI ngày 29/05/2026 về tiền thuê đất theo hình thức nộp hàng năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Ngắn hạn</i>	<i>66.071.224.416</i>	<i>59.078.747.350</i>
- Lãi vay	65.136.007.176	58.008.130.038
- Khác	935.217.240	1.070.617.312
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	66.071.224.416	59.078.747.350

21. Phải trả khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Ngắn hạn</i>	<i>93.762.700.544</i>	<i>92.787.729.017</i>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.835.245.960	13.715.250.304
- Phải trả cho Đại lý Long Bay (*)	57.066.395.880	56.591.131.935
- Khách ký gửi chip chưa từng dùng	17.555.262.192	17.409.057.354
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.305.796.512	5.072.289.424
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	93.762.700.544	92.787.729.017

(*) Khoản phải trả cho Đại lý Long Bay là khoản tiền mà Đại lý Long Bay ký gửi tại Công ty nhằm đảm bảo cho khách hàng của Đại lý Long Bay tham gia chơi trò chơi có thưởng tại Câu lạc bộ của Công ty và hỗ trợ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản tiền ký gửi này không được tính lãi.

Công ty Cổ phần Quốc tế Hạ Long không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm (VND)	Trong kỳ (VND)				Số cuối kỳ (VND)
		Tăng	Giảm	Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	
Vay ngắn hạn	49.293.483.485	67.625.239.128	(53.760.673.128)	(277.896.128)	413.976.795	63.294.130.152
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (1)	44.631.228.809	67.625.239.128	(49.059.263.880)	(277.896.128)	374.822.223	63.294.130.152
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Ninh (2)	4.662.254.676	-	(4.701.409.248)	-	39.154.572	-
Vay dài hạn	121.249.992.207	-	(13.065.351.672)	(952.914.448)	1.018.282.329	108.250.008.416
- Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (3)	121.249.992.207	-	(13.065.351.672)	(952.914.448)	1.018.282.329	108.250.008.416
Cộng	170.543.475.692	67.625.239.128	(66.826.024.800)	(1.230.810.576)	1.432.259.124	171.544.138.568

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 228/2024/HĐHM/PVBQN-HG ký ngày 08/10/2024 và Hợp đồng số 261/2025/HĐTD/PVB-QNH ngày 14/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Bên vay”) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (“Bên cho vay”), với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 75.500.000.000 VND; Số tiền bảo lãnh thanh toán tối đa: 1.500.000.000 VND.
- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời hạn hoàn trả gốc: 6 tháng kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất cho vay: 9% - 10%/năm;

Tài sản đảm bảo: Thế chấp 8 tài sản đảm bảo là các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án “Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí” tại Phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh (Bao gồm: Khách sạn 5 sao, biệt thự, Khu vui chơi giải trí và các Khu chức năng khác xây dựng trên đất thuê trả tiền hàng năm (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất)).

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 30563/24MB/HĐTD ký ngày 09/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Bên vay”) và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Ninh (“Bên cho vay”), với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND; Hạn mức cấp bảo lãnh không vượt quá: 10.000.000.000 VND.
- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động (Cho vay thanh toán tiền điện và tiền lương CBCNV) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ lưu trú, khách sạn, ăn uống và vui chơi giải trí có thưởng;
- Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời hạn hoàn trả gốc: Thời hạn trả nợ của mỗi lần giải ngân/từng hình thức cấp tín dụng được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ, Hợp đồng cấp bảo lãnh hoặc hợp đồng cấp tín dụng khác tương ứng và có thể kết thúc sau thời điểm hết hiệu lực của hạn mức tín dụng;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trong từng khế ước/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng bảo lãnh theo thỏa thuận của hai bên trên cơ sở lãi suất cho vay được HD Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của HD Bank trong suốt thời kỳ vay.

Biện pháp bảo đảm nghĩa vụ nợ: Bảo lãnh của bà Chen Yu Chen và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ 3.

(3) Khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (“Bên vay”) và Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân (“Bên cho vay”) với các điều khoản chi tiết như sau:

- Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động và đầu tư xây dựng TCSD;
- Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng;
- Thời hạn hoàn trả gốc: 3 năm kể từ ngày giải ngân;
- Lãi suất cho vay: 12,1-12,5%/năm;

Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

Theo cam kết hỗ trợ tài chính của Công ty TNHH Bất động sản Lam Xuân về đồng ý gia hạn thanh toán các khoản nợ vay thêm 25 tháng kể từ ngày 31/12/2025.

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu (VND)			Cộng
			Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	366.173.321.651	11.206.193.409	(604.138.226.564)	558.291.933.696
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	6.811.351.751	6.811.351.751
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	-	-	18.351.518.192	-	-	18.351.518.192
Số dư đầu năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	384.524.839.843	11.206.193.409	(597.326.874.813)	583.454.803.639
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(1.702.122.831)	(1.702.122.831)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	-	-	4.893.671.240	-	-	4.893.671.240
Số dư cuối kỳ	703.687.540.000	81.363.105.200	389.418.511.083	11.206.193.409	(599.028.997.644)	586.646.352.048

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
- Công ty TNHH Đầu tư Khải Việt	369.386.320.000	52,49%	369.386.320.000
- Bà Nguyễn Tiểu Mai	39.070.510.000	5,56%	39.070.510.000
- Cổ đông khác	295.230.710.000	41,95%	295.230.710.000
	703.687.540.000	100,00%	703.687.540.000

23c. Cổ phiếu

	Kỳ này (CP)	Kỳ trước (CP)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.368.754	70.368.754
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

23d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	703.687.540.000	703.687.540.000
Vốn góp cuối kỳ	703.687.540.000	703.687.540.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**24a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty có ký Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ đề ngày 7/12/2018 với Ủy ban Nhân Dân tỉnh Quảng Ninh cho diện tích đất thuê là 62.377,6 m². Thời hạn thuê đất là 25 năm, đến ngày 13/8/2043; Hình thức nộp tiền thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm; Mục đích sử dụng đất: Xây dựng khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí; Loại đất: Thương mại dịch vụ.

24b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- VND	19.024.226.018	21.142.291.150

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê phòng nghỉ và cho thuê mặt bằng	11.950.752.447	11.096.418.000
- Doanh thu trò chơi có thưởng	52.380.918.252	52.420.559.585
- Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	9.536.986.179	10.109.190.285
- Doanh thu khác	2.985.192.657	2.641.956.715
Cộng	76.853.849.535	76.268.124.585

26. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí nhân viên	17.504.075.880	18.263.776.765
- Khấu hao TSCĐ	14.605.968.699	14.176.109.450
- Nguyên vật liệu và tiêu hao phẩm	4.266.035.568	5.258.221.585
- Khác	17.154.450.225	14.685.924.795
Cộng	53.530.530.372	52.384.032.595

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.238.232	5.174.230
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	535.900.545	1.208.797.465
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	786.441.582	4.318.304.775
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	254.418.489	116.522.635
Cộng	1.664.998.848	5.648.799.105

28. Chi phí tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lãi tiền vay	9.908.959.581	11.889.945.085
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	100.604.160	457.278.980
- Chi phí tài chính khác	154.312.110	186.400.355
Cộng	10.163.875.851	12.533.624.420

29. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	10.171.971.342	10.175.328.215
- Chi phí nhân công	6.128.443.881	6.357.156.315
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	464.377.275	489.938.105
- Hoàn nhập dự phòng	18.496.494	(165.933.970)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	604.096.542	531.946.705
- Chi phí bằng tiền khác	2.956.557.150	2.962.221.060
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	6.249.954.843	6.073.188.425
- Chi phí nhân công	3.826.887.930	3.849.140.435
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	612.296.829	598.648.165
- Chi phí bán hàng khác	1.810.770.084	1.625.399.825

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Chi phí nguyên vật liệu	4.266.035.568	5.258.221.585
- Chi phí nhân công	27.459.407.691	28.470.073.515
- Khấu hao tài sản cố định	15.682.642.803	15.264.695.720
- Chi phí bằng tiền khác	22.544.370.495	19.639.558.415
Cộng	69.952.456.557	68.632.549.235

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.702.122.831)	559.431.600
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Các khoản điều chỉnh tăng	693.120.744	664.555.560
Các khoản điều chỉnh giảm	(596.263.363)	(496.777.310)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(1.605.265.450)	727.209.850
Lỗi lũy kế năm trước chuyển sang (*)	-	(727.209.850)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

(*) Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số (lỗ)/lãi phát sinh	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2026	Không được chuyển lỗ	Chưa được chuyển lỗ tại ngày 30/06/2026
		VND	VND	VND	VND
Năm 2020	Năm 2025	(80.922.557.268)	7.269.034.781	(73.653.522.487)	-
Năm 2021	Năm 2026	(98.571.838.295)	-	-	(98.571.838.295)
Năm 2022	Năm 2027	(60.524.514.588)	-	-	(60.524.514.588)
Năm 2023	Năm 2028	(101.043.637.859)	-	-	(101.043.637.859)
Năm 2024	Năm 2029	(27.379.716.144)	-	-	(27.379.716.144)
Năm 2025	Năm 2030	7.269.034.781	-	-	-
Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026	Năm 2031	(1.605.265.450)	-	-	(1.605.265.450)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế đã phát sinh của Công ty vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

32. Lãi trên cổ phiếu**32a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.702.122.831)	559.431.600
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.702.122.831)	559.431.600
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	70.368.754	70.368.754
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(24,19)	7,95

32b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính. Vì vậy, Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu

33. Nợ tiềm tàng

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 341/HĐ-TĐ ngày 7/12/2018 với UBND tỉnh Quảng Ninh và đã xây dựng công trình và hạ tầng trên lô đất thuê có diện tích 62.377,6m² tại đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh. Theo Hợp đồng này có quy định việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê đất được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật đánh giá Công ty có thể có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty trên khu đất thuê nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu; và nghĩa vụ hoàn nguyên này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các thỏa thuận bổ sung với bên cho thuê đất hoặc khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty chưa thể xác định được nghĩa vụ hoàn nguyên tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026..

34. Báo cáo bộ phận

	Kỳ này		
	Câu lạc bộ trẻ chơi có thưởng	Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.380.918.252	24.472.931.283	76.853.849.535
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(3.244.693.752)	(12.437.922.852)	(15.682.616.604)
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	-	5.668.917.976	5.668.917.976
Tài sản của bộ phận	136.899.053.384	725.638.304.072	862.537.357.456
Tài sản không phân bổ	-	-	69.623.682.536
Tổng tài sản	136.899.053.384	725.638.304.072	932.161.039.992
Nợ phải trả của bộ phận	101.330.005.648	95.831.617.232	197.161.622.880
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	148.353.065.064
Tổng nợ phải trả	101.330.005.648	95.831.617.232	345.514.687.944

	Kỳ trước		
	Câu lạc bộ trẻ chơi có thưởng	Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.420.559.585	23.847.565.000	76.268.124.585
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(3.865.405.960)	(11.399.289.760)	(15.264.695.720)
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ	-	134.213.800	134.213.800
Tài sản của bộ phận	148.009.087.210	733.946.196.140	881.955.283.350
Tài sản không phân bổ	-	-	44.575.823.100
Tổng tài sản	150.587.772.636	150.587.772.636	926.531.106.450
Nợ phải trả của bộ phận	96.988.877.090	103.648.835.310	200.637.712.400
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	152.465.296.290
Tổng nợ phải trả	150.587.772.636	150.587.772.636	353.103.008.690

35. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Đầu tư Khai Việt	Cổ đông lớn, nắm giữ quyền kiểm soát

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị/các thành viên Ban điều hành/các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Chen Yu Chen	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	205.483.871	179.996.770
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị	38.032.258	53.996.440
Ông Đậu Quốc Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị	46.483.871	65.992.770
Bà Trần Gia Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị	38.032.258	53.996.440
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị	33.483.871	-
Bà Trần Thị Hồng Liễu	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	728.004.335	693.688.430
	Phó Tổng giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Thu Bình	Kế toán trưởng	338.400.000	314.987.870
		1.427.920.464	1.362.658.720

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính chuyển đổi sang đồng Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam cho kỳ kế toán ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

Như đã trình bày, Báo cáo tài chính chuyển đổi sang đồng Việt Nam giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

Việc áp dụng chuẩn mực kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam.

37. Khả năng hoạt động liên tục

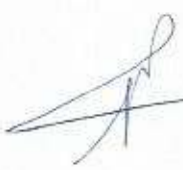
Tại ngày 30/06/2026, lỗ lũy kế của Công ty là 599.028.997.644 VND (Tại ngày 01/01/2026 là 597.326.874.813 VND) và nợ ngắn hạn cũng vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 171.598.965.728 VND (Tại ngày 01/01/2026 là: 164.023.808.460 VND). Theo đánh giá của Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Công ty vẫn có khả năng tiếp tục hoạt động liên tục trên cơ sở: Trong 6 tháng đầu năm 2026 hoạt động kinh doanh của Công ty đã cải thiện, dòng tiền tạo ra thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty tiếp tục là số dương. Ngoài ra, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ tài chính của bên cho vay bằng cam kết sẽ gia hạn các khoản vay đến hạn khi Công ty chưa có khả năng thanh toán ngay và sẽ tiếp tục cho Công ty vay các khoản vay mới để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty và giúp cho Công ty có thể thanh toán được các khoản nợ khi tới hạn, tiếp tục kinh doanh và hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

38. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ chuyển đổi sang đồng Việt Nam.

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Nguyễn Thị Thu Bình
Kế toán trưởng


Trần Thị Hồng Liễu
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA
Số: 2806/HCV/HG

"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2026 và 06 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét, nguyên nhân chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ 06 tháng đầu năm 2026"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---***---

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2026 và 06 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét và giải trình nguyên nhân chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ 06 tháng đầu năm 2026.

So sánh một số chỉ tiêu tại báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2026 và 06 tháng đầu năm 2025:

TT	Diễn giải	06 tháng đầu năm 2026 (đã được soát xét)	06 tháng đầu năm 2025 (đã được soát xét)	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	76,853,849,535	76,268,124,585	585,724,950	1
II	Doanh thu hoạt động tài chính	1,664,998,848	5,648,799,105	(3,983,800,257)	(71)
III	Thu nhập khác	31,648,392	34,272,870	(2,624,478)	(8)
IV	Chi phí			-	
1	Chi phí hoạt động tài chính	10,163,875,851	12,533,624,420	(2,369,748,569)	(19)
2	Giá vốn hàng bán	53,530,530,372	52,384,032,595	1,146,497,777	2
3	Chi phí bán hàng	6,249,954,843	6,073,188,425	176,766,418	3
4	Chi phí quản lý	10,171,971,342	10,175,328,215	(3,356,873)	(0.03)
5	Chi phí khác	136,287,198	225,591,305	(89,304,107)	(40)
	Cộng chi phí (1-5)	80,252,619,606	81,391,764,960	(1,139,145,354)	(1)
V	Lợi nhuận sau thuế	(1,702,122,831)	559,431,600	(2,261,554,431)	(404)



I. Giải trình chênh lệch các chỉ tiêu:

1. Doanh thu hoạt động tài chính giảm: Do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ.

2. Chi phí hoạt động tài chính giảm: Chủ yếu do giảm lãi vay trong kỳ năm 2026.

3. Chi phí khác giảm: Do 06 tháng đầu năm 2025 Công ty hạch toán tiền nộp phạt hành chính và chi phí hội đồng quản trị.

4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm: Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh linh hoạt nhằm thúc đẩy tăng trưởng doanh thu. Tuy nhiên, Tổng doanh thu ghi nhận 06 tháng đầu năm 2026 vẫn thấp hơn cùng kỳ năm ngoái và chưa đủ để bù đắp các khoản chi phí vận hành, chi phí cố định phát sinh trong kỳ dẫn đến lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2025.

II. Giải trình nguyên nhân nguyên nhân chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ 06 tháng đầu năm 2026:

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì nguồn khách hàng hiện có, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, đồng thời thắt chặt kiểm soát và tối ưu hóa chi phí. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi doanh thu (đặc biệt ở mảng kinh doanh chủ lực) chưa đủ để bù đắp các khoản chi phí phát sinh trong kỳ dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang ghi nhận lỗ kỳ này.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng gia; Kính trình ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Phó Tổng Giám Đốc

Trần Thị Hồng Liễu

